

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 15/01/2018

“Về việc Tranh chấp Ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH ĐỒNG THÁP**  
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Trương Thế Trung

***Các Hội thẩm nhân dân:*** 1. Bà Nguyễn Thùy Trang  
2. Bà Trần Thị Phiến

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thụy Thùy Trâm - Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Cao Lâm - Kiểm sát viên.

Vào ngày 15/01/2018 tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành, tiến hành công khai xét xử vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 339/2017/TLST-HNGĐ ngày 19/10/2017 về việc “Tranh chấp Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2017/QĐXX- ST ngày 04 tháng 12 năm 2017 giữa:

***Nguyên đơn:*** Phạm Thị B – sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

***Bị đơn:*** Nguyễn Thế T – sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 31/5/2017 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và cũng tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị B, trình bày:

Chị và anh T chung sống với nhau vào năm 1995 có tổ chức lễ cưới, đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/9/2009. Hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân là do anh T thường xuyên đi chơi với bạn bè ăn nhậu, bỏ bê gia đình, không quan tâm công việc chung gia đình, còn dùng lời lẽ thô tục, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị và gia đình chị, nhiều lần đuổi chị đi ra khỏi nhà. Đến tháng 9 năm 2013 chị bỏ nhà đi làm ăn và ly thân với anh T cho đến nay. Nay chị không còn tình cảm với anh T, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị quyết định làm đơn ly hôn với anh T.

- **Về con chung** : Có 01 người con tên Nguyễn Thanh T - sinh ngày 19/7/1999 hiện đã trưởng thành tự lao động, sinh sống được không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: chị B và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

**Bị đơn:** Theo các lời khai, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Nguyễn Thế T trình bày :

Anh và chị B chung sống với nhau vào năm 1995 có tổ chức lễ cưới, đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/9/2009. Hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng sống chung hạnh phúc, đến năm 2013 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường xuyên theo bạn bè không quan tâm gia đình, chị B có khuyên nhiều lần anh không sửa chữa, khi nhậu về anh kêu chị B đưa tiền, chị B không đưa, anh nóng tính có đánh chị B, chị B buồn gia đình bỏ đi từ năm 2013 cho đến nay, anh khuyên chị B về sống chung với anh, nhưng chị B không về mà còn kiện xin ly hôn với anh T. Hiện anh vẫn còn tình cảm với chị B, nên anh không đồng ý ly hôn với chị B.

- Về con chung: Có 01 người con tên Nguyễn Thanh T - sinh ngày 19/7/1999, hiện đã trưởng thành tự lao động, sinh sống được không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: anh T, chị B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán đã thực hiện đúng qui định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách của người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án. Về thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật

Tổ tụng dân sự. Việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng qui định tại Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định, còn bị đơn vắng mặt không lý do, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là có cơ sở.

Tại phiên tòa Kiểm sát Viên – Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án: sau khi xem xét hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày yêu cầu ly hôn với anh T và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị B xin ly hôn với anh Nguyễn Thế T. Xét thấy việc đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có căn cứ nên chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 177, 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tại phiên tòa ngày 27/12/2017 và ngày 15/01/2018 bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt Nguyễn Thế T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị B và anh T chung sống với nhau vào năm 1995 có tổ chức lễ cưới, đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/9/2009. Hôn nhân tự nguyện, vợ chồng sống chung hạnh phúc, đến năm 2013 phát sinh ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường xuyên theo bạn bè ăn chơi, bỏ bê gia đình, không quan tâm công việc chung gia đình, còn dùng lời lẽ thô tục, xúc phạm danh dự, nhân phẩm cá nhân chị và gia đình chị, nhiều lần đuổi chị đi ra khỏi nhà. Đến tháng 9 năm 2013 chị B bỏ nhà đi làm ăn và ly thân với anh T cho đến nay. Xét thấy tình cảm giữa chị B và anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị B quyết định làm đơn ly hôn với anh T là có căn cứ chấp nhận.

Theo Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

*“ Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.*

[3] Về con chung: Có 01 người con tên Nguyễn Thanh T - sinh ngày 19/7/1999 hiện đã trưởng thành tự lao động, sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: chị B và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: không có.

[6] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nên Chị B phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Áp dụng:** khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 29 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình và Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

- Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu của ly hôn chị Phạm Thị B. Chị Phạm Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Thế T.

- Về con chung: Có 01 người con tên Nguyễn Thanh T - sinh ngày 19/7/1999 hiện đã trưởng thành, tự lao động, sinh sống được không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: chị B và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

- Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Phạm Thị B nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị B đã nộp ngày 19/10/2017 theo biên lai số 12281

của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, số tiền này sẽ được chuyển thành án phí hôn nhân gia đình chị B phải nộp (chị B đã nộp xong).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án, quyết định của tòa án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

***-Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Châu Thành;
- Chi cục Thi hành án ND. H Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Phú Trung;
- Lưu VT, HSVADS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

( Đã ký)

**Trương Thế Trung**

